

Ý thức quốc gia - dân tộc nhìn từ hành động ứng xử của cư dân một số tộc người vùng biên giới tỉnh Hà Giang hiện nay

Hoàng Thị Lê Thảo*, Bùi Xuân Đính**

Nhận ngày 22 tháng 4 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 6 năm 2022.

Tóm tắt: Ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân vùng biên giới được thể hiện qua hai khía cạnh chính là nhận thức về các thành tố cơ bản, mang giá trị biểu tượng của quốc gia - dân tộc, cùng các hành vi hay hành động ứng xử thực tế đối với các thành tố đó. Nhận thức và các hành động ứng xử này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như điều kiện tự nhiên liên quan đến đường biên, cột mốc; dân cư, dân tộc, dân trí, công tác tuyên truyền, giáo dục, quan hệ giữa hai quốc gia... Nhận thức và các hành động ứng xử có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định của an ninh và sự phát triển của vùng biên giới. Bài viết này¹ phân tích ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người Hmông, Tày, Nùng và Lô Lô ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa bàn tỉnh Hà Giang, thể hiện qua các hành động thực tế của đồng bào đối với một số yếu tố cùng một số mặt nổi bật nhất ở vùng biên giới.

Từ khóa: Ý thức quốc gia - dân tộc, tộc người, biên giới, Hà Giang.

Phân loại ngành: Nhân học

Abstract: The Consciousness of Nation - state of residents in the border is expressed through two main aspects, namely awareness of basic elements bearing symbolic values of the nation, and behaviors or actual behavior towards those elements. These perceptions and behaviors depend on many factors, such as natural conditions related to borders and landmarks, population, ethnicity, intellectuals, propaganda, education, relations between the two countries, etc. Awareness and behavior have a great influence on the stability of security and development of the border area. This article analyzes the Consciousness of Nation - state of the Hmông, Tày, Nùng and Lô Lô ethnic groups in the Vietnam-China border area in Hà Giang province, reflected in the actual actions of the community for a number of factors and some of the most prominent aspects in the border region.

Keywords: Consciousness of Nation - state, ethnic group, border, Hà Giang.

Subject classification: Anthropology

1. Mở đầu

Có nhiều quan điểm khác nhau về ý thức quốc gia - dân tộc. Chúng tôi quan niệm rằng, ý thức quốc gia - dân tộc (Consciousness of Nation - state) là sự tự ý thức của các tộc người về chủ thể pháp lý của đất nước mình hay của quốc gia dân tộc, thể hiện ở ý thức về tên gọi của quốc gia (quốc hiệu),

* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nungathao@yahoo.com

** Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam.

Email: buixuandinh.dth@mail.com

¹ Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “Ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình làm chủ nhiệm.

sự nhận biết và tự ý thức về những giá trị riêng trong văn hóa, ngôn ngữ của quốc gia mình; về các biểu tượng chung của quốc gia (như nhà nước, kinh đô - thủ đô, về sau là bản đồ quốc gia, quốc ca, quốc kỳ, lãnh tụ) về chủ quyền và sự tồn tại của quốc gia mình với các quốc gia khác; về các tộc người cùng chung sống trong quốc gia. Từ các ý thức trên đây, các tộc người có các hành vi hay hành động ứng xử thực tế đối với các thành tố đó. Khía cạnh nhận thức đối với các thành tố cơ bản, mang giá trị biểu tượng của quốc gia - dân tộc, đến nay đã có một số bài viết đề cập đến (Vương Xuân Tình, 2019, tr.25-48; 2022; Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh, 2021, tr.83-115; Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn, 2022, tr.20-34). Bài viết này giới hạn trình bày hành vi ứng xử của các tộc người thiểu số đối với một số mặt, hay thành tố nổi bật liên quan đến ý thức quốc gia - dân tộc, qua tư liệu điều tra thực tế ở một số xã biên giới của tỉnh Hà Giang.

2. Địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 11/2021 và tháng 1/2022 đối với 4 nhóm tộc người tại 4 xã thuộc 3 huyện của tỉnh Hà Giang. Đó là người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên; người Hmông ở xã Phú Lũng, huyện Yên Minh; người Tày và người Nùng ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; và người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn. Đây là 4 trong số 18 dân tộc sinh sống tại Hà Giang, trong đó người Hmông, Tày, Nùng đại diện cho các dân tộc có dân số đông (trên 9%), người Lô Lô đại diện cho nhóm các dân tộc có dân số ít. Cả 4 tộc người đều có đồng tộc cư trú ở phía bên kia biên giới từ lâu đời nay.

Các xã được nghiên cứu là 4 trong tổng số 32 xã/ thị trấn khu vực biên giới của tỉnh Hà Giang. Các tộc người đã cư trú trên những địa bàn này ít nhất trên 100 năm. Từ năm 1945, hệ thống chính quyền cách mạng đã được hình thành và dần hoàn chỉnh như ngày nay tại địa phương. Đồng bào ở những địa bàn này, đặc biệt ở các xã Thanh Thủy, Lao Chải của huyện Vị Xuyên và xã Phú Lũng của huyện Yên Minh đã phải trải qua cuộc chiến tranh biên giới ác liệt do Trung Quốc gây ra trong thời kỳ 1979-1989, và bắt đầu khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội từ những năm 1990 đến nay. Giống như các địa phương khác trong vùng, kể từ năm 1991 với chính sách tái thông thương biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cùng các chính sách đầu tư của Đảng và Nhà nước cho vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, diện mạo đời sống kinh tế - xã hội của người dân các địa bàn nghiên cứu ngày càng thay đổi theo hướng phát triển hơn: Các xã đều có đường ô tô trải nhựa hoặc bê tông về đến trung tâm xã, thậm chí đến nhiều thôn bản; mỗi xã đều có hệ thống trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư tương đối đầy đủ cơ sở vật chất và tỷ lệ học sinh đến trường ngày càng cao; hệ thống thông tin, truyền thông cũng được bao phủ toàn bộ các thôn bản. Tuy nhiên, do điều kiện địa hình gây trở ngại cho giao thông, các nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, sinh kế của đồng bào chủ yếu vẫn là nông nghiệp, nên đời sống của người dân nơi đây vẫn còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo ở xã Thanh Thủy như sau: người Tày là 14%, người Nùng là 33%. Còn tỷ lệ hộ nghèo người Hmông ở xã Lao Chải là 35%, người Hmông ở xã Phú Lũng là 33,33% và người Lô Lô ở xã Lũng Cú là 16%. Trong khi đó, ở bên kia biên giới, các cư dân địa phương có điều kiện cơ sở hạ tầng phát triển hơn, đời sống kinh tế cao hơn. Đây chính là bối cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế và xã hội khi tìm hiểu về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người tại địa bàn nghiên cứu.

Nghiên cứu đã tiến hành cả phương pháp định lượng và định tính. Khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện với tổng số 339 phiếu điều tra ở 4 dân tộc với số lượng cụ thể như sau: người Hmông 126 phiếu (trong đó người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên 79 phiếu và người Hmông ở xã Phú Lũng, huyện Yên Minh 47 phiếu), người Tày và người Nùng ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên lần lượt là 81 và 60 phiếu, người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn 72 phiếu. Đối tượng khảo sát

bảng hỏi là các cư dân địa phương từ 18 tuổi trở lên, được lựa chọn ngẫu nhiên và các câu hỏi tập trung liên quan đến các thành tố trong ý thức quốc gia - dân tộc. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng thực hiện 50 cuộc phỏng vấn sâu và 5 thảo luận nhóm ở các cộng đồng với nội dung xoay quanh đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và ý thức quốc gia - dân tộc của đồng bào.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Ứng xử với cột mốc, đường biên

Các xã được điều tra có đường biên giới tiếp giáp Trung Quốc với độ dài khác nhau, gắn với số thôn bản của các tộc người. Nhận thức của nhân dân về đường biên, cột mốc và phần đất đai, dân cư ở bên kia biên giới phụ thuộc rất lớn vào quan hệ giữa hai nước, nhất là về công tác tuyên truyền, từ đó tác động đến thái độ ứng xử của người dân.

Từ khi đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc được xác lập lại sau Hiệp định phân giới cắm mốc (2009), nhờ công tác tuyên truyền được làm tốt, người dân tộc thiểu số đã hiểu được với các mức độ khác nhau về ý nghĩa của đường biên, cột mốc và việc bảo vệ các yếu tố phân định ranh giới giữa hai nước. Ở phần lớn các xã, thôn bản có đường biên giới, nhân dân đã tham gia bảo vệ đường biên, cột mốc với nhiều hình thức khác nhau. Các hộ dân có đất rừng canh tác ở giáp đường biên không chỉ tuân thủ đúng nguyên tắc “không xâm phạm vào ranh giới lãnh thổ của nước láng giềng” (không trồng cây sang đất của nước bạn, không khai thác các sản phẩm của rừng nước bạn, dù thực hiện các công việc đó rất thuận lợi và tiện lợi); mà còn thường xuyên giám sát những hiện tượng xảy ra trên đường biên, cột mốc trong khu vực canh tác và được giao giám sát của mình, kịp thời thông báo các hiện tượng, vụ việc đó với cán bộ thôn bản. Dù mỗi tháng chỉ được trợ cấp 100.000 đồng/hộ, các hộ dân vẫn đều thấy vui vẻ khi ký nhận số tiền trợ cấp đó và cảm thấy tự hào vì đã góp phần vào việc bảo vệ đường biên, cột mốc, cũng chính là bảo vệ an ninh biên giới. Nhiều người dân ở các thôn bản sát biên như người Tày ở thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên đã tham gia bốc vác ở các cửa khẩu. Có thời kỳ, các thủ tục để qua lại sang Trung Quốc tương đối “đơn giản”, nhưng họ luôn tuân thủ các quy định về việc đi sang đất của nước láng giềng.

Khi các địa phương làm đường tuần tra biên giới, một số hộ dân đã hiến đất để làm đường. Chẳng hạn, ở xã Thanh Thủy (huyện Vị Xuyên), vào năm 2020, khi làm đường tuần tra biên giới để thông sang xã Thanh Đức, có 5 hộ người Tày và người Dao đã hiến hàng nghìn mét vuông đất nương và đất rừng để làm đường (đổ bê tông), rộng 3,5 m.

Cùng với hoạt động tuyên truyền, hoạt động giám sát, tuần tra được chú trọng và được nhân dân hưởng ứng. Hàng tháng, các đồn biên phòng xây dựng kế hoạch, thông báo với xã sở tại, lập đội tuần tra (gồm bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ, có khi có cả công an) đi tuần tra kết hợp phát quang dọc đường biên. Số lần tuần tra mỗi tháng cũng như số lượng người tham gia mỗi lần tùy tình hình từng địa phương và tình hình biên giới ở thời điểm đó. Ví dụ, ở xã Lao Chải, trong 05 năm (2015-2020), chính quyền xã đã tổ chức cho dân quân phối hợp với trạm kiểm soát biên phòng Lao Chải tuần tra đường biên giới, mốc quốc giới, phát quang đường tuần tra biên giới 450 buổi với 5.400 lượt người tham gia (trong đó dân quân có 2.900 lượt); phối hợp tốt với các lực lượng theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng; với cấp ủy, chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng tại xã trong công tác nắm tình hình, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, phối hợp xử lý, giải quyết tốt các vụ việc xảy ra trên địa bàn.

Tham gia lực lượng dân quân để bảo vệ an ninh vùng biên giới nói chung, an ninh đường biên nói riêng là một trong những biểu hiện của ý thức quốc gia - dân tộc của nhân dân các dân tộc ở các xã, nhất là từ khi Quốc hội ban hành các Pháp lệnh về dân quân tự vệ (năm 1996, 2004) và Luật Dân quân tự vệ 2009 (sửa đổi năm 2019). Tùy từng địa phương với đặc điểm về địa hình, dân cư mà số thanh niên và trung niên nam nữ tham gia dân quân được phiên chế thành dân quân nòng cốt và dân quân tự vệ rộng rãi. Người tham gia dân quân nòng cốt phải chịu “hy sinh” việc nhà, việc cá nhân. Trong 3-5 năm, họ thường không đi làm ăn quá xa địa bàn cư trú, để khi có lệnh làm nhiệm vụ thì nhanh chóng có mặt ở địa phương. Vì thế, nhiều khi có cơ hội nhận được việc làm tốt (làm trong nhiều ngày, giá công cao), nhưng số dân quân này đã không nhận. Mỗi năm, thành viên dân quân nòng cốt tham gia huấn luyện tập trung một lần trong 15 ngày, do Ban Chỉ huy quân sự huyện bố trí. Những ngày đó, thành viên dân quân đều giao lại các công việc đồng áng, việc nhà cho vợ hoặc con lớn lo liệu, trong khi thù lao bồi dưỡng chỉ có 90.000 đồng/ngày, thường chỉ đủ chi phí xăng xe, điện thoại. Thời gian phía Trung Quốc rào đường biên giới, dân quân nòng cốt phải đi tuần liên tục, mỗi ngày 2 lần theo địa phận cột mốc được giao. Người được phân công làm thôn đội trưởng phải chịu hy sinh nhiều hơn. Ông Di Dừ Th., sinh 1984, thôn đội trưởng thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú cho biết: “Xã có 9 thôn bản, các thôn đội trưởng phải thay phiên nhau trực ở trụ sở Ủy ban nhân dân xã một ngày một đêm, các ngày còn lại, phải luôn ở trong địa bàn xã để khi có việc đột xuất, ban chỉ huy quân sự xã liên hệ được và phải có mặt để nhận nhiệm vụ. Hy sinh cho việc chung thì nhiều, nhưng phụ cấp hàng tháng chỉ có 1.120.000 đồng. Song thực tế từ trước đến nay, trong bản không có dân quân nào xin nghỉ giữa chừng, không một người vợ nào rầy la, than phiền về việc chồng đi dân quân mà bỏ bê việc nhà. Nhiều dân quân khi hết thời gian làm nhiệm vụ sẵn sàng ở lại phục vụ tiếp nếu được yêu cầu. Nhiều dân quân có thành tích trong thời gian công tác được xét kết nạp Đảng, như Chi bộ Lô Lô Chải, hiện có 2 đảng viên được kết nạp vì có nhiều thành tích trong thời gian là dân quân”.

Từ khi lực lượng dân quân được tổ chức lại, số thanh niên tham gia lực lượng chính quy - tập trung giảm đi, song các chiến sĩ dân quân, nhất là người ở các bản xa đường biên rất muốn được phân công vào các buổi tuần tra đường biên, bởi đó là dịp họ được hiểu thêm về biên giới ở địa phương mình (do địa dư của xã rất rộng, nhiều người cả đời không lên đến đường biên giới, không biết thế nào là cột mốc; chỉ ai có nương gần đường biên hoặc đi tuần mới biết số cột mốc). Ông Lù Seo C., người Nùng, ở bản Nà Sát, xã Thanh Thủy (cách đường biên giới 8 km) cho biết: “Tôi tham gia dân quân, đã 3 lần đi tuần tra bảo vệ biên giới. Lần đầu lên đường biên, chạm tay vào cột mốc, tôi có cảm giác khác lạ, vì tôi ở bản Nà Sát này cách bản có đường biên gần chục cây số, ít có điều kiện lên. Hồi đó, chưa có cột mốc theo ký kết giữa hai nước, vẫn là cột mốc cũ, nhưng lần đầu tiên tôi mới biết thế nào là đường biên phân chia hai nước, cột mốc xác định chủ quyền quốc gia. Đi cùng với các anh biên phòng và cán bộ xã, chạm tay vào cột mốc có đề chữ “Việt Nam”, tôi xúc động thật sự, nghĩ đến trách nhiệm của mình trong việc cùng dân bản, dân xã giữ gìn đường biên, mốc giới, bảo vệ vùng biên giới”.

Nhân dân các bản làng biên giới còn giám sát các hành vi xâm nhập vào địa phương của một số người từ bên kia biên giới để làm việc xấu. Tại xã Lao Chải (huyện Vị Xuyên), khoảng những năm 2011-2012, một số người xấu từ Trung Quốc đã lợi dụng tập quán chăn nuôi thả rông của đồng bào ta, để chăn thả gia súc ở sát biên giới, nhằm ý đồ trộm cắp trâu bò. Nhiều người đã vi phạm quy định biên giới, mỗi năm ước tính bình quân có khoảng 20 người. Người dân các bản sát biên đã thay nhau giám sát những người lạ, giúp công an và bộ đội biên phòng bắt một số người, trao trả phía Trung Quốc, từ đó, nạn trộm cắp trâu bò giảm hẳn.

Nhân dân còn tham gia đấu tranh phản đối những hành vi vi phạm quy chế đường biên của phía Trung Quốc. Điển hình là tháng 9/2021, Trung Quốc rào lối mở và dọc đường biên giới từ cột mốc 238 ở địa phận xã Lao Chải, về cả hai phía, đã vi phạm quy chế đường biên ký kết giữa hai nước. Lực lượng biên phòng, chính quyền và dân quân xã đã kịp thời có mặt. Hơn 20 người dân của bản Phùng và bản Lùng Chu Phùng ở gần đó cũng kéo lên, tạo thêm khí thế đấu tranh buộc phía Trung Quốc phải rào đúng vị trí.

Nhìn chung, nhận thức và ý thức của nhân dân các tộc người thiểu số các địa phương về biên giới và cột mốc đã được cải thiện rõ rệt trong những năm qua. Tuy nhiên, do những điều kiện và nguyên nhân khác nhau, sự chuyển biến trên còn nhiều hạn chế; công tác quản lý đường biên ở tất cả các xã biên giới còn gặp nhiều khó khăn, do về khách quan, là sự yếu kém của hạ tầng giao thông, trong điều kiện địa hình, khí hậu, thời tiết phức tạp. Về chủ quan, một bộ phận người dân không biết, không hiểu hoặc hiểu không thấu đáo các quy định về biên giới (56,4% số người được hỏi, tính chung cho cả 4 tộc người được điều tra, có sự chênh lệch giữa các tộc người: Hmông 57,9%, Lô Lô 43,1%, Nùng 29,5%, và cao nhất ở người Tày, 72,8%)². Ở một khía cạnh khác, nhiều người dân dù hiểu, biết rõ các quy định về biên giới, nhưng vẫn vi phạm vì hai lý do: *Một là*, các mối quan hệ huyết thống, tình cảm, hôn nhân và kinh tế của các tộc người thiểu số sát biên giới với đồng tộc ở bên kia đường biên hình thành như một hiện tượng tự nhiên, được duy trì qua nhiều đời, chỉ bị gián đoạn trong thời gian Trung Quốc gây căng thẳng với Việt Nam. Sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ, phần lớn các cuộc tiếp xúc giữa cư dân hai bên diễn ra với các mức độ đậm nhạt khác nhau, nhưng lại không đi theo các con đường giao thông - ngoại giao chính thống, tức qua các cửa khẩu, mà theo đường “tắt”, tức qua các đường mòn, lối mở. Đặc điểm này dẫn đến *nguyên nhân thứ hai*: người dân biết là có quy định muốn sang bên kia phải qua đường có cửa khẩu, không được đi đường mòn, lối tắt, lối mở, nhưng vẫn đi, vì đi qua cửa khẩu sẽ mất thời gian, nhiều điều phiền phức, như phải làm giấy tờ, khai báo; hơn nữa, các đường mòn, lối mở không phải lúc nào cũng có lực lượng chức năng canh gác, chốt chặn. Đặc biệt, ở những địa bàn thuận lợi cho việc đi sang bên kia biên giới để làm thuê, việc “vượt biên” bằng đi tắt qua đường mòn, lối mở, có khi là cây gỗ bắc qua con suối ngăn cách giữa hai nước sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian đi lại, tăng thêm thời gian làm thuê để có thêm thu nhập. Với những địa bàn thuận lợi cho trao đổi buôn bán, việc vận chuyển hàng hóa đòi hỏi sức lao động cơ bắp rất cao, thì việc chuyển hàng hóa tắt qua đường mòn, lối mở sẽ giảm được thời gian và chi phí vận chuyển. Trong trường hợp này, *tính tiện lợi, hay thói quen vì sự tiện lợi của người dân các tộc người hình thành từ bao đời đã “át” ý thức phải tuân thủ những quy định liên quan đến đường biên giới hai nước và việc xuất nhập cảnh*; không hoàn toàn là do người dân không có ý thức về biên giới quốc gia, đường biên, cột mốc. Tuy nhiên, từ năm 2020 trở đi, Trung Quốc rào kín đường biên, người dân vùng biên giới không còn tự do sang bên kia đường biên theo thói quen như trước.

3.2. Ý thức quốc gia - dân tộc thể hiện qua thực hiện trách nhiệm công dân

Sinh sống trong quốc gia Việt Nam, dưới thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người dân các tộc người thiểu số có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, Nhà nước đã ban hành một số chính sách ưu tiên với các dân tộc thiểu số, vùng biên giới, nên việc thực hiện các nghĩa vụ này được điều chỉnh linh hoạt.

² Số liệu chênh lệch này, nhất là ở người Tày có tỷ lệ số người không biết các quy định về biên giới có nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó, có thể do công tác tổ chức tuyên truyền về biên giới chưa thật thường xuyên, thiếu chu đáo; hoặc do những người được hỏi sống ở các làng bản xa đường biên giới nên không quan tâm.

Về các nghĩa vụ thuế, người dân các xã biên giới được miễn các loại thuế đất sản xuất nông nghiệp, thuế đất ở, chỉ phải nộp thuế sản xuất kinh doanh... Tuy nhiên, ở các xã biên giới, hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài nông nghiệp rất kém. Chẳng hạn, ở xã Lao Chải, bản Lùng Chu Phùng có 115 hộ, không có hộ nào kinh doanh; bản Phùng có 144 hộ chỉ có 3 hộ kinh doanh, nhưng lại là người Việt. Xã Thanh Thủy là vùng thấp, số hộ kinh doanh tuy đông hơn, nhưng chỉ ở các thôn - bản quanh trung tâm xã; còn các thôn - bản ở “sâu, xa”, mức độ kém hẳn. Qua điều tra cho thấy, các hộ có kinh doanh đều chấp hành nghĩa vụ thuế, không có hiện tượng dây dưa, trốn nợ thuế.

Theo quy định, nhân dân các dân tộc vùng biên giới cũng không phải thực hiện nghĩa vụ lao động công ích. Tuy nhiên, khi được huy động tham gia các công việc chung, như làm đường, sửa đường, cầu cống, xây dựng hoặc tu bổ các công trình chung, các gia đình đều sẵn sàng và cử người tham gia với tinh thần cao nhất, đóng góp các vật liệu (sỏi đá, cây gỗ, tre nứa) theo lượng được giao.

Nghĩa vụ quân sự được các cá nhân trong độ tuổi chấp hành nghiêm túc. Các thanh niên trong độ tuổi khi có lệnh đi khám sức khỏe đều hăng hái tham gia và vui vẻ nhận lệnh lên đường, không có hiện tượng trốn đi khám hoặc trốn nhập ngũ khi có giấy gọi. Tuy nhiên, một số trường hợp khi có giấy gọi nhập ngũ lại đang đi làm ăn xa, nên chính quyền phải ra quyết định hoãn, điều động người khác thay thế.

Việc đóng góp các loại quỹ theo quy định chung được nhân dân các địa bàn ở vùng biên giới chấp hành đầy đủ. Theo chính sách ưu tiên của Nhà nước, hiện nay, ở các địa bàn này, nhân dân chỉ phải đóng góp các loại quỹ sau: Quỹ xóa đói giảm nghèo (5.000 đồng/ lao động), Quỹ vì người nghèo (10.000 đồng/ hộ, chỉ thu với các hộ thuộc diện trung bình trở lên, theo phân loại hộ hàng năm của chính quyền xã), Quỹ đền ơn đáp nghĩa (10.000 đồng/hộ), Quỹ bảo vệ trẻ em (5.000 đồng/ hộ), Quỹ nạn nhân chất độc da cam (thu không thường xuyên). Đa số các hộ đều đóng đúng hạn, số hộ đóng chậm không nhiều, chủ yếu là các hộ khó khăn về kinh tế.

Ở tất cả các thôn/bản được điều tra, các hộ chỉ đóng đủ mức, không có hộ nào đóng vượt mức. Nguyên nhân của tình trạng này là do điều kiện kinh tế của đa số các hộ gia đình rất khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào Hmông, song nguyên nhân quan trọng khác, xuất phát từ “tính cộng đồng” của người dân các tộc người thiểu số, làm việc gì cũng thường “nhìn nhau, trông nhau”, khi cả cộng đồng cùng làm như thế thì rất khó có người nào làm khác được. Theo già làng Giàng Chèo Th. và ông Giàng Mí S. (Bí thư kiêm trưởng bản Phùng, xã Lao Chải), vào dịp thu các loại quỹ hàng năm, có một số người có điều kiện kinh tế khá hơn, muốn đóng góp thêm, nhưng lại e ngại sẽ bị người khác trong bản cho là “chơi trội”, “làm khó cho người nghèo” hay “buộc người nghèo phải theo”; các cán bộ thôn bản và cán bộ xã là người thôn bản đó càng ngại hơn, không dám đóng góp nhiều hơn, vì dễ bị phê phán là “cán bộ có tiền lương, dân chỉ có tiền từ bán chè, bán thảo quả, nay được giá, mai xuống giá, lấy đầu tiên, dùng bắt dân phải theo cán bộ”. Các cuộc phát động các phong trào, chẳng hạn “Ngày vì người nghèo”, “Tết vì người nghèo” ở các xã đều triển khai “trầm lặng”. Nguyên nhân vì số doanh nghiệp đóng trên địa bàn rất ít hoặc không có (như xã Lao Chải), số hộ thuộc diện khá có thể ủng hộ được không nhiều, có những người muốn đóng góp nhưng không có điều kiện thể hiện; hoặc theo quan điểm của họ, lễ “không long trọng” và “sự tôn vinh người đóng góp không trang trọng” nên không tham gia, hoặc tham gia một cách hình thức. Tại xã Thanh Thủy (huyện Vị Xuyên), vào các ngày từ 20 đến 23 tháng Chạp hàng năm, xã tổ chức lễ quyên góp “Tết vì người nghèo” tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã gắn với biểu diễn văn nghệ, nhưng số người thuộc diện hộ khá ở địa phương ủng hộ rất ít, người nhiều nhất chỉ 200.000 đồng, đa số từ 50.000-100.000 đồng,

chủ yếu là cán bộ và số doanh nghiệp ít ỏi ở địa phương tham gia. Dịp Tết Tân Sửu 2021, xã chỉ thu được hơn 20.000.000 đồng, nên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc kết hợp với Ủy ban nhân dân xã rà soát kỹ lưỡng các hộ thật sự khó khăn để trao tặng một chút quà ăn Tết, chủ yếu nhằm động viên tinh thần của các gia đình.

3.3. Ý thức quốc gia - dân tộc thể hiện qua tham gia các sinh hoạt chính trị

Ngoài việc tham gia đầy đủ các cuộc họp thường lệ, đột xuất trong cộng đồng dân cư, người dân các tộc người vùng biên còn tích cực tham gia các sinh hoạt chính trị. Đây là nhu cầu của người dân sống tại các địa bàn có nhiều bất lợi về giao thông, các cơ sở và điều kiện để hưởng thụ sinh hoạt văn hóa - xã hội rất ít ỏi. Đồng bào quanh năm bám ruộng, bám nương để sản xuất, mong có được các dịp nghỉ ngơi và sinh hoạt cộng đồng. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11 hàng năm) là thích hợp nhất đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu của đồng bào, vì các lý do:

- Tết Nguyên đán chỉ là dịp mọi người đi thăm hỏi, chúc tụng nhau theo quan hệ dòng họ, bạn bè hay quan hệ thông gia.

- Ngày 19/4 là Ngày hội văn hóa các dân tộc Việt Nam, nhưng thời điểm này, nhân dân các địa phương bận làm mùa - vụ sản xuất chủ đạo trong năm, nên việc kỷ niệm chỉ được thực hiện trong các tổ chức cơ sở Đảng. Đảng bộ các xã chỉ đạo các chi bộ sinh hoạt ghép với sinh hoạt hàng tháng; các đảng viên ôn lại hoặc được truyền đạt lại tinh thần, ý nghĩa của ngày này.

- Dịp Quốc khánh 2/9 cũng không thuận tiện cho việc tổ chức cuộc gặp mặt đông người, vì các gia đình đều đang phải chăm sóc lúa và các loại hoa màu, nên chỉ cơ quan xã mới tổ chức gặp mặt đơn giản; các hộ dân được vận động treo cờ, song số gia đình hưởng ứng không nhiều, chỉ đạt 54,4% (số người được hỏi).

Vì vậy, thời điểm thích hợp nhất cho các cộng đồng dân cư tổ chức ngày hội sinh hoạt chính trị - xã hội toàn dân là vào tháng 11 (lịch dương, tháng 10 lịch âm), khi việc thu hoạch lúa, hoa màu và các loại cây khác về cơ bản đã hoàn thành; người người, nhà nhà tương đối rảnh rỗi; thời tiết lúc này chưa lạnh lắm. Tháng 11 có ngày 18 gắn với một sự kiện chính trị quan trọng là ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930), từ năm 1986 trở đi, trở thành ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; đối với các cộng đồng dân cư, là ngày hội biểu dương đại đoàn kết trong cộng đồng. Vì vậy, ngày 18 tháng 11 hàng năm là ngày rất quan trọng với các cộng đồng dân cư thôn bản. Từ cuối tháng 10, Đảng ủy các xã đã họp và ra chủ trương về việc tổ chức ngày kỷ niệm này; sau đó các thôn bản bắt tay chuẩn bị (viết báo cáo tổng kết một năm hoạt động, phân công các công việc như trang trí, chuẩn bị các tiết mục văn nghệ để biểu diễn (các tiết mục trước khi đưa ra diễn đều được xã duyệt), trò chơi thể thao, chuẩn bị hậu cần. Từ ngày 12/11 trở đi, thôn bản nhộn nhịp, để đến ngày 18, thôn bản trở thành ngày hội thật sự. Tại một số địa phương, lúc đầu, một số hộ không tham gia vì không hiểu hoặc vì khó khăn (tham gia phải đóng góp tiền liên hoan), hay vì mặc cảm với hoàn cảnh nghèo của mình, đã được cán bộ đến động viên, cộng đồng hỗ trợ, nên đã vui vẻ tham gia; các lần sau đã tích cực, chủ động tham gia. Vào dịp này, ai cũng muốn được thể hiện mình, tham gia vào các công việc theo khả năng về hậu cần, văn nghệ, trò chơi thể thao... Trong ngày chính hội, các cộng đồng dân cư thôn bản ôn lại quá trình phát triển của cộng đồng mình; nhìn nhận lại một năm lao động sản xuất và các mặt đời sống, những thành tích và những mặt đã đề ra để phấn đấu từ năm trước mà chưa đạt được, những điều còn thiếu sót, cần rút kinh nghiệm cho năm tới. Cũng dịp này, đồng bào được nghe cán bộ biên phòng phổ biến các thông tin mới về tình hình thời sự, các quy định mới về biên giới. Sau các phần chính là phần liên hoan. Mọi người cùng chung vui bên chén rượu. Liên hoan mặn hay ngọt là tùy điều kiện từng thôn bản. Nhiều nơi kết hợp tổ chức buổi giao lưu văn nghệ,

thi đấu các môn thể thao, thu hút đông người tham gia; những ngăn cách già - trẻ, nam - nữ, người dân - cán bộ bị thu hẹp bên chén rượu, cùng những lời ca tiếng hát, các điệu múa. Vì vậy, ngày 18 tháng 11 thật sự là ngày Hội đại đoàn kết toàn dân, giúp cho cộng đồng đoàn kết hơn, mọi người hiểu thêm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp mọi nhà, mọi người có thêm khí thế mới, niềm tin mới về chặng đường phía trước, hay ít nhất cũng bớt lo lắng, bi quan về những khó khăn, thách thức trước mắt.

3.4. Lao động xuyên biên giới và ý thức quốc gia - dân tộc

Các làng bản biên giới có địa hình phức tạp, bị chia cắt, núi đá chiếm tỷ lệ lớn, ruộng cấy lúa rất ít, nguồn thu từ nông nghiệp rất thấp, nhiều nơi không bảo đảm an ninh lương thực, trong khi cần một khoản tiền lớn để trang trải các khoản chi tiêu cho cuộc sống. Trong khi đó, Trung Quốc với chính sách “Hưng biên phú dân” đã làm cho các vùng biên giới giáp Việt Nam trở nên hưng thịnh với các nông trang, nông trại, các nhà máy, xí nghiệp..., cần một lượng lao động lớn để duy trì sản xuất và phát triển. Vì vậy, từ đầu những năm 2000 trở đi, một bộ phận đông đảo lao động của các làng bản của Việt Nam ở sát biên giới phải sang Trung Quốc làm thuê để có thêm thu nhập. Số lượng lao động vượt biên giới đi làm thuê với hình thức đi, thời gian đi dài - ngắn, các công việc làm thuê và thu nhập khác nhau ở từng địa phương, từng thời điểm đã được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu từ năm 2009 đến nay. Ở đây, bài viết chỉ bàn đến tác động, ảnh hưởng của việc đi làm thuê ở Trung Quốc đến ý thức quốc gia - dân tộc của đồng bào.

Trong giai đoạn đầu (2000-2010), việc sang Trung Quốc làm thuê giúp cho người lao động các dân tộc thiểu số vùng biên giới có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống, nhiều gia đình mua sắm được các đồ dùng hiện đại, xây được nhà cao, đẹp, giúp cho bộ mặt bản làng khang trang hơn, đời sống ổn định hơn; kết hợp với việc tận mắt thấy cuộc sống “hơn hẳn” của người dân Trung Quốc ở vùng biên, nghe thông tin một chiều từ phía Trung Quốc, một bộ phận người lao động Việt Nam đã không tránh khỏi sự so bì giữa hai nước, một số người còn công khai so sánh chính sách của hai bên (Bùi Xuân Đính, 2010). Tuy nhiên, sau một thời gian, từ thực tế phũ phàng của việc qua biên giới làm thuê (chỉ những người có gia đình mới “giữ” lại được tiền làm thuê, còn đa số lớp trẻ đã tiêu pha lãng phí, một số lại sa vào tệ nạn xã hội sau khi có tiền làm thuê; nhiều người bị chủ thuê Trung Quốc trốn, quỵt tiền công hoặc bị cướp, trấn lột tiền trên đường trở về nước...), các lao động làm thuê đã “thấm” thân phận khổ cực của cảnh làm thuê ở nước người, thấu hiểu giá trị của quê hương, Tổ quốc. Những người được hỏi đều có chung câu trả lời, “Giá như ở quê hương mình có đủ việc làm, không phải sang bên ấy làm thuê thì là điều tốt nhất”. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới suốt từ đó đến nay tiến triển chậm chạp, nên một bộ phận đông đảo lao động các làng bản sát biên vẫn phải sang Trung Quốc làm thuê. Chính trong thời gian làm thuê ở nơi đất khách quê người này, nỗi nhớ, lòng yêu quê hương, đất nước luôn bùng cháy trong những lao động đó, nhất là những người có mẹ già, con nhỏ. Xin dẫn tâm sự của một vài người được hỏi:

- “Ở bên đó (nơi làm thuê bên Trung Quốc), lúc không làm việc, ngồi trong phòng hoặc bị bó hẹp trong khu sản xuất, thấy nhớ nhà, nhớ mẹ (vì bố đã mất rồi), nhớ núi đồi, họ hàng, nhớ cả bản mình và các bản khác; có lúc định bỏ về và có một lần bỏ về thật, trong một tháng” (Sùng Mỹ. H., 1992, nam, bản Sùng Lìn, xã Phú Lăng, huyện Yên Minh).

- “Năm đó, cháu 17 tuổi, giận bố hay uống rượu nên bỏ nhà ra Đồng Văn, rồi đi theo một tốp bạn sang Trung Quốc. Sang đến nơi mới nhớ nhà, nhớ bố mẹ, nhớ ruộng, nhớ nương, nhà cửa bản làng quá, đặc biệt là nhớ cột cờ Lũng Cú, chỉ mong muốn được về, nhưng rồi vì nhiều lý do, cháu không thể về được. Những lúc rảnh rỗi, nỗi nhớ lại dậy lên, chỉ mong ngày được về thôi. Khi về nước,

đến địa phận xã, từ xa, thấy cột cờ Lũng Cú cháu òa khóc” (Vàng Di S., 1995, nữ, bản Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn).

- “Cháu có người quen ở bên kia biên giới giúp cho đi làm tại một xí nghiệp cách biên giới khoảng một ngày đi ô tô. Được gần một năm, giáp Tết thì về. Trên đường đi, chi lo bị công an Trung Quốc bắt, về đến sát biên giới, nhìn thấy núi của quê hương mừng vô cùng” (Thào N. T., sinh 1982, nữ, bản Sùng Lìn, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh).

Một hiện tượng đáng lưu ý của những người sang Trung Quốc làm thuê là, có bộ phận làm công nhân trong các nhà máy ở các tỉnh sâu nội địa, thậm chí nhiều trường hợp cả hai vợ chồng phải mang họ tên, quê quán hoàn toàn khác (của Trung Quốc), do sự sắp đặt của những người môi giới lao động. Mỗi người phải luôn nhớ họ tên này trong suốt thời gian làm việc tại đó, để quan hệ công việc, nhất là khi có ai gọi đến. Phải mất một thời gian dài, những người đi làm thuê mới quen được cái tên, quê quán Trung Quốc “của mình”, thậm chí nhiều khi quản đốc phân xưởng, những người cùng làm gọi mà họ không nhớ ra để đáp lại. Trong khi đó, cái tên, quê quán từ Việt Nam lúc nào cũng trong đầu, thậm chí có lúc suýt buột miệng nói ra, suýt bị lộ việc “đội tên giả” Trung Quốc. Song, cũng chính từ việc phải “đội tên” như vậy, mà nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, Tổ quốc luôn bị dồn nén trong họ. Nhiều người có tâm sự chỉ mong đến Tết để được về nước, về quê, về nhà và khi về đến sát biên giới, thấy những quả núi thân quen từ phía xa thì mừng vô cùng. Từ thông tin này, chúng tôi đặt ra câu hỏi giả định với những người được phỏng vấn: “Nếu cho anh/chị được ở lại Trung Quốc, là người nước Trung Quốc để có cuộc sống giàu có hơn rất nhiều so với Việt Nam, anh/chị có đồng ý không?” thì tất cả đều trả lời “Không”. Kết quả điều tra bảng hỏi cũng có tới 97,7% số người được hỏi trả lời “thích sống ở Việt Nam”, chỉ có 0,5% thích sống ở Trung Quốc, khi được hỏi “Nếu được chọn, ông/bà thích sinh sống ở đây (Việt Nam) hay ở bên Trung Quốc?”. Dưới đây là ba câu trả lời điển hình, đều là người Hmông ở bản Sùng Lìn, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh - xã có bình quân 400 lao động sang Trung Quốc làm thuê trước khi dịch Covid-19:

- “Sang bên kia làm thuê chỉ cốt kiếm thêm tiền tiêu thôi, chứ ở bên ấy không có tư cách gì, giấy tờ gì” (Sùng Mí P., nam, sinh 1991).

- “Cho mình sang Trung Quốc ở mình cũng không sang, vì không phải Tổ quốc mình, làng bản mình, không có anh em, họ hàng, không có tình cảm” (Thào Mí T., nam, sinh 1986).

- “Ở trong nước khó khăn, nghèo thì vẫn nhà mình, đất nước mình, Trung Quốc giàu thì vẫn là nước khác” (Sùng Mý H.).

Những câu trả lời trên đây cho thấy, người lao động các làng bản biên giới sang Trung Quốc làm thuê chỉ nhằm mục đích duy nhất là kiếm thêm thu nhập, phụ trợ vào nguồn thu nhập ít ỏi từ sản xuất nông nghiệp độc canh, năng suất thấp, bấp bênh, tại một địa bàn có địa hình canh tác khó khăn, khí hậu khắc nghiệt; còn từ trong sâu thẳm, ý thức về quốc gia Việt Nam, về quê hương làng bản, họ hàng, gia đình ở Việt Nam luôn in đậm trong họ. Trong thời gian làm thuê ở Trung Quốc, thấy đất nước đó phát triển, có cuộc sống tốt hơn rất nhiều so với ở nước mình, nhưng những người lao động các tộc người thiểu số vẫn không so bì hay có chút dao động, suy giảm ý thức và tâm tư tình cảm về Tổ quốc. Đó chính là biểu hiện rất rõ nét, rất sinh động về ý thức quốc gia - dân tộc của đồng bào.

Tiếp tục tìm hiểu nhận thức và hành động của người dân các tộc người thiểu số vùng biên, chúng tôi đưa ra thêm hai câu hỏi giả định: “Rồi đây, vì sự ổn định và phát triển chung, có thể Chính phủ hai nước Việt Nam, Trung Quốc sẽ đàm phán, làng bản của ông/bà sẽ thuộc về Trung Quốc, ông/bà nghĩ thế nào?”. Tất cả những người được hỏi đều phản đối “ý định, kế hoạch” đó. Đây là trả lời của ông Vàng Di Q., sinh 1944, thôn Lô Lô Chải (xã Lũng Cú): “Đây là Việt Nam, là quê hương mình, có ruộng vườn, nhà cửa nuôi mình từ bao đời, không thể đổi được bằng bất kỳ giá nào. Chúng tôi tự hào là người Lũng Cú, địa đầu Tổ quốc”.

4. Kết luận

Sinh sống từ bao đời trên dải đất biên cương phía Bắc, dù bị chi phối bởi các quan hệ đồng tộc, thân tộc, cùng các tác động về kinh tế - xã hội và văn hóa từ bên kia được biên giới, nhân dân các tộc người thiểu số ở Hà Giang đã sớm hình thành ý thức quốc gia - dân tộc rất rõ nét, thể hiện qua việc nhận biết rõ ràng về lãnh thổ quốc gia (được biểu hiện ở đường biên, cột mốc), ở các giá trị mang tính biểu tượng của quốc gia (tên nước, quốc kỳ, quốc ca, lãnh tụ...) (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2022; Vương Xuân Tình, 2022). Nhận thức đúng đắn đó đã định hướng thể ứng xử của đồng bào đối với các thành tố, các yếu tố thể hiện ý thức quốc gia - dân tộc. Đó là tham gia gìn giữ, bảo vệ cột mốc, đường biên; tham gia các sinh hoạt chính trị; thực hiện đủ các nghĩa vụ công dân; luôn gắn bó cuộc sống, tình cảm của mình với quê hương và đặc biệt, một bộ phận lao động phải sang Trung Quốc làm thuê, chỉ với mục đích là kiếm thêm chút thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình, còn sâu thẳm trong tâm tư, tình cảm, luôn nghĩ về, hướng về quê hương, Tổ quốc Việt Nam, không bị cuộc sống vật chất của nước ngoài cám dỗ.

Tuy nhiên, điều kiện tự nhiên, kinh tế, cơ sở hạ tầng, việc tổ chức giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực vùng biên giới có nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp đã ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau đến các hành vi ứng xử của các tộc người thiểu số đối với các tính biểu tượng của quốc gia dân tộc. Điều này cần được cấp ủy và chính quyền địa phương nghiên cứu để từng bước tháo gỡ.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn (2022), “Ý thức quốc gia thể hiện qua nhận thức về biên giới của một số tộc người ở khu vực biên giới huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 2.
2. Nguyễn Thị Thanh Bình (2022), “Ý thức quốc gia - dân tộc thể hiện qua nhận thức về lãnh thổ Việt Nam của một số tộc người vùng biên giới tỉnh Hà Giang”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3.
3. Bùi Xuân Đính (chủ nhiệm, 2010), *Một số vấn đề cơ bản của các tộc người vùng Đông Bắc*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, lưu tại Viện Dân tộc học.
4. Vương Xuân Tình (2019), “Về dân tộc, ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc”, trong “Viện Dân tộc học, *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*”, Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2018, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Vương Xuân Tình (2022), *Giáo dục với ý thức quốc gia - dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3.
6. Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh (2021), “Nghiên cứu quan hệ dân tộc: Một số vấn đề lý luận từ góc nhìn về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người vùng biên giới”, trong “Viện Dân tộc học, *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*”, Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.